VIETSOVPETRO

DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Phụ tùng bánh răng hộp số tàu Hải Sơn/СЗЧ для редуктора ВС «Hai Son»

Số ĐHXN - № заявки: 90.XVTB-0034/26-TVT

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во	Ghi Chú Примечание
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ						
GEAR - KUMERA OY FVC - 280. Gear No 85659A, 1989 Finland. Drawing no.: 1-52163						
1	096.007.00002*	Gear	Pos. 31 - 5041 (or equivalent)	Pce	1,00	
2	096.007.00003*	Spherical roller bearing 24124 C3	Pos. 46 - 5067 (or equivalent)	Pce	4,00	
3	096.007.00004*	Spherical roller bearing 22222 C3	Pos. 47 - 1210 (or equivalent)	Pce	2,00	
4	096.007.00005*	Grooved ball bearing 6024 C3	Pos. 48 - 5068 (or equivalent)	Set	2,00	
5	096.007.00006*	Gear	Pos. 61 - 5042 (or equivalent)	Pce	1,00	
6	096.007.00007*	Spherical roller bearing 23222 C3	Pos. 64 - 11655 (or equivalent)	Pce	1,00	
7	096.007.00008*	Spherical roller bearing 22319 C3	Pos. 65 - 18910 (or equivalent)	Pce	1,00	
8	096.007.00009*	Rectangular key 32x18	Pos. 62 - 5030 (or equivalent)	Pce	1,00	
9	096.007.00010*	Input shaft	Pos. 30 - 5026 (or equivalent)	Pce	1,00	
10	096.007.00011*	Fixing collar	Pos. 36 - 25669 (or equivalent)	Pce	1,00	
11	096.007.00012*	Output shaft	Pos. 60 - 5028 (or equivalent)	Pce	1,00	

YÊU CẦU KỸ THUẬT
TECHNICAL REQUIREMENTS
ĐỐI VỚI CUNG CẤP PHỤ TÙNG BÁNH RĂNG HỘP SỐ TÀU HẢI SƠN NĂM 2026
FOR SUPPLY SPARE PARTS OF GEARBOX IN HAI SON SHIP, 2026

1. **Mục đích và phạm vi sử dụng:**
   Purpose and scope of use:

   1.1. Mục đích sử dụng: Thay thế cho các chi tiết của hộp số máy chính trái trên tàu Hải Sơn bị hư hỏng, nay không còn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật trong khai thác tàu.
   Purpose of use: Replace the used spare parts in Port side of gearbox's Hai Son ship that no longer meet technical requirements in the marine fleet operations.

   1.2. Điều kiện môi trường sử dụng: Phụ tùng dùng trong trong môi trường biển, nhiệt đới, độ ẩm không khí cao, nhiệt độ cao, làm việc liên tục.
   Conditions of use: Spare parts are working continuously, in offshore tropical, high temperature and high humidity.

2. **Yêu cầu chung đối với phụ tùng:**
   General requirements for Spare part:

   2.1. Tình trạng phụ tùng: Phụ tùng mới, chưa qua sử dụng, chính hãng hoặc tương đương.
   Status of Spare part: Spare part must be brand new, unused, authentic Equivalent.

   2.2. Năm sản xuất: Phụ tùng có thời hạn sản xuất không trước năm 2025.
   Year of manufacture: Spare part with a production date not before 2025.

   2.3. Phụ tùng phải có ký mã hiệu/ thông số kỹ thuật và xuất xứ đúng như đơn hàng. Nếu có bất kỳ thay đổi nào về ký mã hiệu, xuất xứ, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật để đánh giá và kèm theo xác nhận của nhà sản xuất/ nhà cung cấp: Phụ tùng có ký mã hiệu mới hoàn toàn tương đương với phụ tùng có ký mã hiệu cũ về tính tương thích và chất lượng.
   Spare part should be the exact model number/ technical parameters, and origin specified in the order. If there is any change in model number/ technical parameters, and origin, a necessary document should be attached with a technical proposal for evaluation. The manufacturer/ the supplier should confirm that the new model number will be interchangeable with the existing model number and have the same quality.

   2.4. Thời hạn bảo hành: Không ít hơn 12 tháng kể từ ngày ký xác nhận giao nhận phụ tùng.
   Warranty: The warranty period is at least 12 months from the approval delivery date.

3. **Yêu cầu kỹ thuật đối với phụ tùng:**
   Technical requirements for Spare parts:

   3.1. Tính năng phụ tùng:
   Features of Spare parts:
   Phụ tùng là các chi tiết trong bộ phận hộp số máy chính trái trên tàu Hải Sơn.

The Spare parts are components in Port side of gearbox's Hai Son ship.

3.2. Các thông số kỹ thuật chính:
Main technical specifications:
- Đặc tính kỹ thuật đáp ứng theo danh mục đặt hàng
Technical specification same as in the order requirements
- Đối với mục số 1 và số 5: Các răng hướng nghiêng **trái**
*With items No1 and No3: These gears are angled to the **left***

4. Nhà sản xuất, xuất xứ phụ tùng:
Manufactures and original of Spare part:

4.1. Yêu cầu đối với nhà sản xuất:
Requirements for manufactures:
Hàng chính hãng Kumera hoặc tương đương.
Marker original Kumera or Equivalent.

4.2. Yêu cầu đối với nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ, nơi sản xuất: EU/G7/Norway
Requirements for the group of countries or territories where production takes place: EU/G7/Norway

5. Thời gian và địa điểm giao hàng:
Time and location of delivery:

5.1. Thời hạn giao hàng: Không muộn hơn 04 tháng kể từ khi ký hợp đồng
Delivery Period: within 04 months from the date of signing the contract

5.2. Địa điểm giao hàng: Phụ tùng được giao tại kho của Xí nghiệp Vận tải biển & Công tác lặn, Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro, 71A – 30/4 – P. Rạch Dừa – TP. Hồ Chí Minh
Delivery location: Spare part are delivered at the warehouse of Marine Transportation & Diving Services Division, J. V. Vietsovpetro, 71A – 30/4 – Rach Dua Ward – Ho Chi Minh City

5.3. Số lần giao hàng: Giao hàng 01 lần
Number of deliveries: Deliver once.

5.4. Phương thức giao hàng: Giao hàng trực tiếp
Delivery method: Direct

6. Yêu cầu về số lượng và đóng gói phụ tùng:
Quantity and packaging:

6.1. Số lượng phụ tùng cung cấp: Cung cấp đủ trọn gói cho cả đơn hàng
Quantity of Spare parts supplied: Full package supply for the entire order

6.2. Phụ tùng phải đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà chế tạo
Spare part must be packed following the manufacturer's standards

7. Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật:
Technical documentation requirements:

7.1. Tài liệu kỹ thuật nhà thầu cần cung cấp kèm theo chào hàng giai đoạn đấu thầu: bao gồm tất cả các tài liệu kỹ thuật phụ tùng cần thiết. Nếu là phụ tùng tương đương, phải có hồ sơ kỹ thuật chứng minh đính kèm.
Technical documentation that contractors must provide with their bids during the bidding phase: including all necessary technical documentation for the Spare part. If the Spare part are equivalent, supporting technical documentation must be attached.

7.2. Tài liệu kỹ thuật khi giao hàng: Bao gồm các tài liệu kỹ thuật của phụ tùng, hướng dẫn lắp ráp, catalog của nhà sản xuất
Technical documentation upon delivery: Includes technical documents for Spare part and user manual

7.3. Tài liệu kỹ thuật kèm theo phải thể hiện rõ loại phụ tùng và kí mã hiệu của từng mục phụ tùng.
The technical document must be shown the Spare part type and the model number of each item clearly.

8. Yêu cầu về chứng chỉ:
Certificates:

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 142/26-DH-VTB

8.1. Chứng chỉ xuất xứ do Phòng công nghiệp – thương mại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp (Bản gốc hoặc bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu hoặc bản điện tử e-CO)
Certificate of Origin issued by Chamber of Commerce in Manufacturer's/ Exporter's. (Original/ Notarized Copy or e-CO)

8.2. Chứng chỉ chất lượng (CQ) cung cấp bởi nhà sản xuất (Bản gốc hoặc bản sao có xác nhận của nhà sản xuất)
Certificate of Quality (CQ) issued by Manufacturers (Original/ Manufacturer's Copy):

8.3. Chứng nhận bảo hành của nhà cung cấp (Bản gốc).
Certificate of Warranty issued by supplier: Original.

9. Phương pháp đánh giá chào hàng kỹ thuật:
Technical bid evaluation method:

Chào hàng kỹ thuật sẽ được đánh giá theo cả đơn hàng theo Bảng tiêu chí đánh giá kỹ thuật (đính kèm):
Technical bids will be evaluated base on the entire order according to the Technical evaluation criteria table (attached):

Mẫu số 2.1 - Форма № 2.1

LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO
XÍ NGHIỆP VTB&CTL

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BẰNG HÌNH THỨC "ĐẠT/KHÔNG ĐẠT" ĐỐI VỚI CÁC CHÀO HÀNG KỸ THUẬT CUNG CẤP: PHỤ TÙNG BÁNH RĂNG HỘP SỐ TÀU HẢI SƠN NĂM 2026

CRITERIA FOR TECHNICAL EVALUATION "PASS/FAIL" FOR SUPPLY SPARE PARTS OF GEARBOX IN HAI SON SHIP, 2026

Bước 1: Đánh giá việc tuân thủ các điều kiện tiên quyết:
Step 1: Assess compliance with prepequisites:

STT	Tên gọi các tiêu chí Ctiteria	Nội dung chào hàng Proposal content	Đánh giá Evaluation	Ghi chú
1	Năm sản xuất *Year of manufacture*	Phụ tùng có thời hạn sản xuất không trước năm 2025 *Spare part with a production date not before 2025*	Đạt/*Passed*	
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*	
2	Thời hạn bảo hành *Warranty*	Không ít hơn 12 tháng kể từ ngày ký xác nhận giao nhận phụ tùng	Đạt/*Passed*	

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 142/26-DH-VTB

		The warranty period is at least 12 months from the approval delivery date		
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*	
3	Điều kiện môi trường sử dụng *Conditions of use*	Phụ tùng dùng trong trong môi trường biển, nhiệt đới, độ ẩm không khí cao, nhiệt độ cao, làm việc liên tục *Spare parts are working continuously, in offshore tropical, high temperature and high humidity*	Đạt/*Passed*	
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*	
4	Yêu cầu kỹ thuật cụ thể *Specific technical requirements*	Phụ tùng được phù hợp lắp cho hộp số máy chính TRÁI *Spare parts suitable for assembly on the Port side gearbox.*	Đạt/*Passed*	
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*	

Bước 2: Các chào hàng được đánh giá ĐẠT tất cả các điều kiện tiên quyết nêu trên sẽ được đánh giá bước 2- đánh giá chi tiết theo các tiêu chí theo bảng sau:

Step 2: Offers that meet all the above prerequisites will proceed to Step 2 – a detailed evaluation based on the criteria in the following table:

STT	Tên gọi các tiêu chí Ctiteria	Nội dung chào hàng Proposal content	Đánh giá Evaluation	Lý do không đạt Reason of Fail	Ghi chú Note
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1	**YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI PHỤ TÙNG (GENERAL REQUIREMENTS FOR SPARE PARTS)**				
1.1	Tình trạng phụ tùng *Status of Spare parts*	Phụ tùng mới, chưa qua sử dụng, chính hãng hoặc tương đương	Đạt/*Passed*		

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 142/26-DH-VTB

		Spare part must be brand new, unused, authentic or Equivalent			
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng của VSP *Not suitable for VSP's needs*	
1.2	Nội dung chào hàng *Offer content*	Phụ tùng phải có ký mã hiệu/ thông số kỹ thuật và xuất xứ đúng như đơn hàng. Nếu có bất kỳ thay đổi nào về ký mã hiệu, xuất xứ, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật để đánh giá và kèm theo xác nhận của nhà sản xuất/ nhà cung cấp: Phụ tùng có ký mã hiệu mới hoàn toàn tương đương với phụ tùng có ký mã hiệu cũ về tính tương thích và chất lượng *Spare part should be the exact model number/ technical parameters, and origin specified in the order. If there is any change in model number/ technical parameters, and origin, a necessary document should be attached with a technical proposal for evaluation. The manufacturer/ the supplier should confirm that the new model number will be interchangeable with the existing model number and have the same quality*	Đạt/*Passed*		
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*	Không có cơ sở để đánh giá	

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 142/26-DH-VTB

				There is no basis for evaluation	
2	**YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT ĐỐI VỚI PHỤ TÙNG** *Technical requirements for Spare parts*				
2.1	Tính năng phụ tùng *Features of Spare parts*	Phụ tùng là các chi tiết trong bộ phận hộp số máy chính trái trên tàu Hải Sơn *The Spare parts are components in the Port side gearbox in Hai Son ship*	Đạt/*Passed*		
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*		
2.2	Các yêu cầu kỹ thuật **chính** ***Main** technical requirements*				
2.2.1	Các thông số kỹ thuật giới hạn cho phép *The permitted technical specifications are limited*	- Đặc tính kỹ thuật đáp ứng theo danh mục đặt hàng *Technical specification same as in the order requirements* - Đối với mục số 1 và số 5: Các răng hướng nghiêng trái *With items No1 and No3: These gears are angled to the left*	Đạt/*Passed*		
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*		
3	**NHÀ SẢN XUẤT VÀ XUẤT XỨ** ***Manufactures and original of Spare part***				
3.1	Nhà sản xuất *Requirements for manufactures*	Hàng chính hãng Kumera hoặc tương đương *Marker original Kumera or Equivalent*	Đạt/*Passed*		
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*		

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 142/26-DH-VTB

3.2	Xuất xứ *Origin*	Yêu cầu đối với nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ, nơi sản xuất : EU/G7/Norway *Requirements for the group of countries or territories where production takes place: EU/G7/Norway*	Đạt/*Passed*		
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*		
4	**THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG (TIME AND LOCATION OF DELIVERY)**				
4.1	Thời gian giao hàng *Delivery Period*	Không muộn hơn 04 tháng kể từ khi ký hợp đồng *within 04 months from the date of signing the contract*	Đạt/*Passed*		
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*		
4.2	Địa điểm giao hàng *Delivery location*	Phụ tùng được giao tại kho của Xí nghiệp Vận tải biển & Công tác lặn, Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro, 71A – 30/4 – P. Rạch Dừa – TP. Hồ Chí Minh *Spare part are delivered at the warehouse of Marine Transportation & Diving Services Division, J. V. Vietsovpetro, 71A – 30/4 – Rach Dua Ward – Ho Chi Minh City*	Đạt/*Passed*		
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*		
5	**SỐ LƯỢNG VÀ ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA (QUANTITY AND PACKAGING)**				
5.1	Số lượng phụ tùng *Quantity of Spare parts*	Cung cấp đủ trọn gói cho cả đơn hàng	Đạt/*Passed*		

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 142/26-DH-VTB

		Full package supply for the entire order			
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*		
5.2	Đóng gói *Package*	Phụ tùng phải đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà chế tạo *Spare part must be packed following the manufacturer's standards*	Đạt/*Passed*		
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*		
6	**TÀI LIỆU KỸ THUẬT (TECHNICAL DOCUMENTATION)**				
6.1	Cung cấp tài liệu cùng với chào thầu *Technical documentation that contractors must provide with their bids during the bidding phase*	Bao gồm tất cả các tài liệu kỹ thuật phụ tùng cần thiết. Nếu là phụ tùng tương đương, phải có hồ sơ kỹ thuật chứng minh đính kèm *Including all necessary technical documentation for the Spare part. If the Spare part are equivalent, supporting technical documentation must be attached.*	Đạt/*Passed*		
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*		
6.2	Cung cấp tài liệu kỹ thuật khi giao hàng *Providing technical documentation upon delivery*	Bao gồm các tài liệu kỹ thuật của phụ tùng, hướng dẫn lắp ráp, catalog của nhà sản xuất *Technical documentation upon delivery: Includes technical documents for Spare part and user manual*	Đạt/*Passed*		
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*		

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 142/26-DH-VTB

7	**CUNG CẤP CHỨNG CHỈ KHI GIAO HÀNG (PROVIDING CERTIFICATES OF THE GOODS**				
7.1	Chứng chỉ xuất xứ *Certificate of Original*	Chứng chỉ xuất xứ do Phòng công nghiệp – thương mại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp (Bản gốc hoặc bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu hoặc bản điện tử e-CO) *Certificate of Origin issued by Chamber of Commerce in Manufacturer's/ Exporter's. (Original/ Notarized Copy or e-CO)*	Đạt/*Passed*		
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*		
7.2	Chứng chỉ chất lượng *Certificate of Quality*	Chứng chỉ chất lượng (CQ) cung cấp bởi nhà sản xuất (Bản gốc hoặc bản sao có xác nhận của nhà sản xuất) *Certificate of Quality (CQ) issued by Manufacturers (Original/ Manufacturer's Copy)*	Đạt/*Passed*		
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*		
7.3	Chứng chỉ bảo hành *Certificate of Warranty*	Chứng nhận bảo hành của nhà cung cấp (Bản gốc). *Certificate of Warranty issued by supplier: Original*	Đạt/*Passed*		
		Không đúng yêu cầu *Not as requested*	Không đạt/*Failed*		

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 142/26-DH-VTB

ĐÁNH GIÁ:
***EVALUETE*:**

1. **Chào hàng được đánh giá ĐẠT YCKT khi tất cả các tiêu chí được đánh giá ĐẠT**
   An offer is rated "PASSED" when all criteria are assessed as "PASSED".

2. **Chào hàng đánh giá KHÔNG ĐẠT YCKT khi có ít nhất một tiêu chí được đánh giá KHÔNG ĐẠT.**
   The bid evaluation is considered "FAILED" when at least one criterion is rated "FAILED".

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 142/26-DH-VTB